

Bản án số: 14/2018/HS-ST

Ngày: 02-3-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh, bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn A. (tên gọi khác: T)**; Giới tính: nam; sinh năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKKHKT: ấp 4, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1957 và bà Trần Thị X, sinh năm: 1962; Bị cáo có vợ tên Đặng Thị Thu Th và 01 người con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 10/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giết tài sản” theo bản án số 51/2010/HSST.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2017 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Trần Thị Mạnh T, sinh năm 1980. Nơi ĐKKHKT: ấp 1, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: ấp 1, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Đào Ngọc T, sinh năm: 1991; Nơi ĐKKHKT: ấp 3, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Ông Ngô Trọng Q; Nơi ĐHKHKT: đường 3 phường M, quận M, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Tăng Tiến M, sinh năm: 1981; Nơi ĐHKHKT: ấp 1, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1993; Nơi ĐHKHKT: ấp 1, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/6/2017, Nguyễn Văn A. điện thoại nhờ bạn là Đào Ngọc T. chở đến nhà vợ của Nguyễn Văn A. để mượn tiền tiêu xài. Sau đó, ông Đào Ngọc T. điều khiển xe mô tô biển số 52U3-0734 chở Nguyễn Văn A. lưu thông trên đường V, hướng từ chợ V về ngã tư B thì ông Đào Ngọc T. nhìn thấy bà Trần Thị Mạnh T điều khiển xe mô tô lưu thông phía trước trong túi quần bên phải của bà T có 01 điện thoại Samsung nhô ra ngoài nên nói với Nguyễn Văn A. nghe “Bà đó để điện thoại sắp rớt luôn kia”. Khi đến trước nhà số 1A212/1 ấp 1, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thì bà T. điều khiển xe chạy chậm lại để chuyển hướng qua đường và khi xe của ông T. ngang với xe bà T. thì bị cáo Nguyễn Văn A. dùng tay trái giật điện thoại của bà T. làm xe chao đảo và theo phản xạ ông T. tăng ga làm xe chạy lên lề trái đường. Lúc này, bà T. tri hô và được ông Tăng Tiến M, ông Nguyễn Anh T hỗ trợ bắt giữ ông T. và Nguyễn Văn A. cùng vật chứng giao công an xã H, huyện B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển công an huyện B xử lý.

Căn cứ kết quả định giá tài sản số 1400/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định điện thoại hiệu Samsung bị chiếm đoạt có giá 2.152.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 174/CTr-VKS ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A. về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với ông Đào Ngọc T., không đồng phạm với Nguyễn Văn A. trong vụ án nên không xử lý. Tuy nhiên, do ông Đào Ngọc T. sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra đã bàn giao ông T. cho công an xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ xử lý hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A. từ 04 năm đến 05 năm tù; đề nghị xử lý vật chứng: ghi nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu số tài sản bị chiếm đoạt và tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 28/6/2017 tại trước nhà số 1A212/1 ấp 1, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh bị cáo Nguyễn Văn A. đã thực hiện hành vi nhanh chóng giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bà Trần Thị Mạnh T. nhằm để chiếm đoạt. Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.152.000 đồng.

[2] Quá trình điều tra và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được thì có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn A. thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm khác nhưng chưa được khởi tố truy tố. Bởi lẽ: theo lời khai của bị cáo và các đương sự trong vụ án thì tại thời điểm bị cáo Nguyễn Văn A. thực hiện hành vi giật chiếc điện thoại trong túi bị hại thì bị cáo đang ngồi phía sau xe mô tô do ông Đào Ngọc T. điều khiển cùng chiều với xe của bị hại. Căn cứ sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường (từ bút lục số 41 đến bút lục số 45) thì vị trí bị cáo giật chiếc điện thoại của bị hại nằm bên trái đường và thời điểm này xe bị hại đang chuyển hướng rẽ trái (sang trái khoảng $\frac{3}{4}$ phần đường). Như vậy, trong trường hợp này để giúp bị cáo Nguyễn Văn A. (đang ngồi phía sau xe mô tô) thực hiện được hành vi giật chiếc điện thoại trong túi bị hại thì ông T. phải chủ động điều khiển xe áp sát, chạy song song với hướng xe của bị hại. Nhận định này phù hợp với diễn biến sự việc là ngay sau khi Nguyễn Văn A. giật được chiếc điện thoại thì ông Đào Ngọc T. điều khiển xe tăng ga bỏ chạy nhưng bị té ngã trên lề trái đường (lề đường mà bị hại đang chuyển hướng qua); phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Tăng Tiến M (bút lục số 70) và lời khai của bị hại.

[3] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn A., ông Đào Ngọc T. đều khai nhận: ông Đào Ngọc T. là người phát hiện bị hại để điện thoại nhô ra khỏi túi quần và T. là người chỉ cho bị cáo A. biết tài sản của bị hại. Tại cơ quan điều tra ông Đào Ngọc T. có lời khai là sau khi phát hiện tài sản của bị hại nên ông T. quay xe lại (lúc này xe của bị cáo và bị hại đi ngược chiều nhau) chạy cùng chiều với xe của bị hại được khoảng 20 mét thì Nguyễn Văn A. giật điện thoại trong túi của bị hại như nêu trên.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Văn A. thực hiện hành vi phạm tội có sự giúp sức tích cực của ông Đào Ngọc T.. Cụ thể: ông T. là người thông báo cho bị cáo Anh biết tài sản của bị hại, chủ động điều khiển xe áp sát xe của bị hại để bị cáo A. thực hiện hành vi giật tài sản và điều khiển xe nhằm tẩu thoát... Xét về ý thức thì ông T. biết rất rõ việc phạm tội của bị cáo Anh nên chủ động giúp bị cáo A. thực hiện hành vi phạm tội và tại cơ quan điều tra ông Đào Ngọc T. cũng khai nhận: “Tôi và T. giật điện thoại là ngẫu nhiên không có bàn bạc trước” (bút lục số 92). Như vậy, có căn cứ xác định việc phạm tội của Nguyễn Văn A. là có đồng phạm nhưng chưa được khởi tố. Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xử lý vai trò đồng phạm của ông Đào Ngọc T. nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên cáo trạng ban đầu.

[5] Do đó, căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử bị cáo Nguyễn Văn A. theo tội danh mà cáo trạng đã truy tố. Để đảm bảo xét xử đúng hành vi phạm tội, không bỏ lọt người phạm tội, Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét lại bản án này theo trình tự phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm.

[6] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn A. là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, biết việc cướp giật tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng vì vụ lợi mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn A. đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội và người bị hại cũng đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường, là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên đây là tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi bổ sung năm 2009). Xét thấy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 10/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo bản án số 51/2010/HSST) nhưng đến lần phạm tội trong vụ án này, bị cáo đã được xóa án tích nên không xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm nhưng cần lưu ý khi quyết định hình phạt với bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo chưa thành khẩn khai báo, khai báo không thống nhất gây khó khăn trong công tác điều tra truy tố xét xử nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng bị thu giữ gồm: 01 điện thoại hiệu Samsung là tài sản bị chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu tài sản là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

[10] Đối với xe mô tô biển số 52U3-0737, bị cáo và đồng bọn sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra xác minh xe này do ông Ngô Trọng Q (cư trú đường 3 phường M, quận M, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký nhưng hiện tại ông Q không còn cư trú tại địa phương. Cơ quan điều tra đã đăng thông báo tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô biển số 52U3-0737 nhưng đến nay vẫn không xác định được chủ sở hữu tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa người bị hại vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện người bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A. phạm tội “Cướp giật tài sản”;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A. 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2017.

- Áp dụng Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự: Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp có thẩm quyền kháng nghị bản án theo trình tự phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đào Ngọc T. về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi bổ sung năm 2009) để tránh bỏ lọt người phạm tội.

- Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại 01 điện thoại hiệu Samsung.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển số 52U3-0734 (Vật chứng này Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/9/2017).

- Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

- Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh.
- Công an H. B;
- VKSND H. B;
- THA dân sự H.B;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Dũng